

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST

Ngày 02 - 5 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Thọ

Bà Ngô Diễm Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1971 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp XR, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2017 chị Nguyễn Thị L trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Huỳnh Văn L tổ chức đám cưới vào ngày 24/12/1993, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống tại ấp XR, xã QPB. Quá trình chung sống đến cuối năm 2015 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh L thường xuyên uống rượu bia về nhà chửi mắng, dùng vũ lực đánh đập chị. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng anh L không sửa đổi. Chị và anh L đã ly thân nhau vào tháng 3/2017 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh L.

- *Về con chung:* Có năm người con chung tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1995, Nguyễn Vũ L, sinh năm 1997, Nguyễn Huyền C, sinh năm 2000, Nguyễn Tiến L, sinh năm 2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/6/2011. Hiện nay L và L đã trưởng thành có gia đình nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. C, L, H nguyện vọng các con ở với ai thì người đó nuôi, vấn đề cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ người khác, người khác nợ lại:* Chị L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh L và chị L tổ chức đám cưới vào ngày 26/12/1992, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày là không đúng mà do vào ngày 17/4/2017 âm lịch chị L dẫn cháu L và H đi Bình Dương làm cho đến nay. Thời gian trước đó anh cũng không biết nguyên nhân gì chị L đối xử lạnh nhạt và không ăn cơm chung với anh. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh không đồng ý. Tuy nhiên anh xác định hiện nay chị L cương quyết ly hôn, anh và chị L sống ly thân nhau đã hơn một năm nên anh đồng ý ly hôn chị L.

- *Về con chung:* Anh xác định có năm người con chung như chị L trình bày là đúng. Đối với L, L hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Đối với Huyền C, Tiến L, Gia H các con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

- *Về tài sản chung:* Không có

- *Về nợ người khác:* Trong thời gian chung sống anh chị có nợ những người như sau:

+ Diện tích đất 5 công tằm lớn tại ấp XR, xã QPB mẹ ruột của anh L tạm cho để canh tác. Ngày 26/6/2017 anh chị có cổ diện tích đất trên cho ông Lê Văn N giá 100.000.000 đồng.

+ Nợ ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị N tiền hụi chết 29.000.000 đồng.

+ Nợ Hội phụ nữ xã Quách Phẩm B 8.000.000 đồng.

Khi ly hôn anh L đồng ý trả ½ phần nợ hụi của ông Đ, bà N và trả toàn bộ phần nợ của anh N 100.000.000 đồng, chị L có trách nhiệm trả toàn bộ phần nợ của Hội phụ nữ xã QPB 8.000.000 đồng.

Ngoài ra người khác không ai nợ lại anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa chị L trình bày:

- *Về con chung:* Chị và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

- *Về phần nợ:* Chị L không đồng ý trả phần nợ của ông N, ông Đ và bà N. Riêng phần nợ của Hội phụ nữ xã QPB chị L đồng ý trả toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Chị L xin ly hôn được anh L đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định “*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng...*”. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân chị L và anh L không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Có năm người con chung tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1995, Nguyễn Vũ L, sinh năm 1997, Nguyễn Huyền C, sinh năm 2000, Nguyễn Tiến L, sinh năm 2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/6/2011. Khi ly hôn đối với L và L đã trưởng thành, đối với cháu C, L, H chị L và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, người khác nợ lại: Chị L và anh L xác định không có do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ người khác:

Anh L khai anh và chị L có cổ phần đất 5 công tằm lớn của bà Văn Thị D, nợ ông Lê Văn N 100.000.000 đồng tiền cổ đất, nợ ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị N 29.000.000 đồng tiền hụi chết, nợ Hội phụ nữ xã Quách Phẩm Bắc 8.000.000 đồng tiền vay theo diện hộ nghèo. Anh L và chị L có thỏa thuận về việc trả nợ. Tuy nhiên, các đương sự nêu trên không có yêu cầu khởi kiện độc lập để đòi lại số nợ chị L và anh L kê khai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ngày 22 tháng 11 năm 2017 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009330 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

